

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM TÀI CHÍNH 2016

Kính thưa quý cổ đông!

- Căn cứ quy định pháp Luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2016 do Công ty lập và Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện;
- Căn cứ số liệu chi tiết và chứng từ do Ban giám đốc Công ty cung cấp.
- Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2016 như sau:

I. KIỂM TRA TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY:

Công Ty đã thay đổi địa chỉ trụ sở mới tại Lầu 5, số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.

Tổng số nhân viên của Công Ty tính đến ngày 31/12/2016: 17 người

1. Tình hình thực hiện chỉ tiêu theo Nghị Quyết ĐHCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2016

(Đơn Vị: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ đạt
Doanh thu	37.19	42.14	113.3%
Lợi Nhuận	14.78	9.39	63.5%

- Chỉ tiêu doanh thu đạt được 113.3% so với kế hoạch năm
- Chỉ tiêu lợi nhuận đạt được 63.5% so với kế hoạch năm.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2016: (dvt: VNĐ)

2.1 Bảng cân đối tóm tắt tại thời điểm 31/12/2016 (đã được kiểm toán).

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Ending Balance Số cuối kỳ	Beginning Balance Số đầu kỳ
1	2	3	4
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	321.768.436.749	299.363.249.432
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	246.701.497.967	80.394.295.628
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	22.013.130.704	47.767.830.831
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	59.559.666.105	170.983.612.973
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	166.780.782	284.673.782
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	26.559.969.005	46.064.750.195
I. Tài sản cố định	220	1.555.371.595	3.762.714.313
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	22.000.000.000	38.100.000.000

III. Tài sản dài hạn khác	260	3.004.597.410	4.202.035.882
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	348.328.405.754	345.427.999.627
NGUỒN VỐN			
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	1.397.497.456	7.891.659.224
I. Nợ ngắn hạn	310	1.397.497.456	7.891.659.224
II. Nợ dài hạn	330		-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	346.930.908.298	337.536.340.403
I - Vốn chủ sở hữu	410	346.930.908.298	337.536.340.403
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	360.000.000.000	360.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(13.069.091.702)	(22.463.659.597)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	348.328.405.754	345.427.999.627

Tiền các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ dài hạn : 268.701.497.967 đ

Bao gồm:

- Tiền : 851.497.967đ
- Các khoản tương đương tiền : 245.850.000.000đ
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn : 44.000.000.000đ

KỶ HẠN	DƯỚI 3 THÁNG	TỪ 6 THÁNG ĐẾN 2 NĂM
Số tiền (tỷ đồng)	245.85	44

2.2 Các chỉ tiêu tài chính năm 2016 so năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	230.25	37.93
+ Hệ số thanh toán nhanh:	230.25	37.93
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.4%	2.3%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.4%	2.3%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	22.3%	31.3%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2.7%	3.1%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2.7%	3.1%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	31.4%	31.9%

CHỈ TIÊU/ITEM	ĐƠN VỊ/UNIT	2016	2015
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	8%	13%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	92%	87%
Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0.4%	2%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	99.6%	98%

- Các hệ số sinh lời như ROE, ROTC không được cải thiện nhiều trong năm 2016 so với năm 2015. Thậm chí ROE giảm từ 3.1% năm 2015 về còn 2.7% năm 2016.

- Cơ cấu tài sản dài hạn năm giảm từ 13% trong năm 2015 xuống còn 8% trong năm 2016 nguyên nhân chủ yếu là do giảm khoản tiền gửi dài hạn từ 38.2 tỷ đồng xuống 22 tỷ đồng.

2.3 Tình hình thực hiện doanh thu 2016 và so sánh với năm 2015:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	So sánh/ Comparasion	
1	3	4	5= 3-4	6= 3/4
1. Doanh thu	42.141.968.875	33.819.252.760	8.322.716.115	125%
<i>Trong đó:</i>			0	
- Hoạt động môi giới CK	5.397.052.588	2.984.763.297	2.412.289.291	181%
- Hoạt động đầu tư CK	4.828.124.884	2.713.329.659	2.114.795.225	178%
- Doanh thu lưu ký	122.939.603	121.824.216	1.115.387	101%
- Hoạt động Margin	19.995.524.463	12.985.706.121	7.009.818.342	154%
- Doanh thu tiền gửi	6.526.951.404	11.249.507.562	-4.722.556.158	58%
- Doanh thu khác & đầu tư tài chính	5.271.375.933	3.764.121.905	1.507.254.028	140%
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	42.141.968.875	33.819.252.760	8.322.716.115	125%
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18.124.479.760	11.142.432.006	6.982.047.754	163%
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	24.017.489.115	22.676.820.754	1.340.668.361	106%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.860.187.922	11.922.240.182	-1.062.052.260	91%
7. Doanh thu của hoạt động tài chính	73.104.334		73.104.334	
8. Chi phí tài chính	3.952.800		3.952.800	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.226.452.727	10.754.580.572	2.471.872.155	123%
10. Lợi nhuận khác	3.181.817	4.163.636	-981.819	76%
11. Thuế thu nhập DN	3.835.066.649	203.959.657	3.631.106.992	1880%
12. Lợi nhuận sau thuế	9.394.567.895	10.554.784.551	-1.160.216.656	89%

Doanh thu tăng 125%, nhưng chi phí tăng 163%. trong đó

Doanh thu tăng 125% chủ yếu là tăng từ hoạt động:

- Doanh thu hoạt động margin tăng 154%
- Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán tăng 181%
- Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán tăng 178%

Chi phí hoạt động kinh doanh:

- Năm nay tăng 163% năm trước tăng (năm 2015:11.142.432.006vnd; năm 2016: 18.124.479.760 vnd). Nguyên nhân: động Margin tăng mạnh trong đó có các cổ phiếu như BII, TNT, DRH giảm sàn liên tục và mất thanh khoản, khả năng rủi ro cho việc thu hồi vốn rất thấp. Vì vậy công ty phải trích lập dự phòng

3. Tình hình thực hiện chi trả cổ tức :

Tuy hoạt động kinh doanh năm 2016 lãi: 9.394.567.895 đồng, nhưng lũy kế tính đến 31/12/2016 Công ty còn lỗ 13.069.091.702 đồng nên công ty không có nguồn để chi trả cổ tức.

4. Tình hình hoạt động cho vay ký quỹ:

Đối với cổ phiếu DRH, công ty đã force sell nhưng số tiền còn phải thu là 3.3 tỷ đồng. Khoản phải thu này đang được xử lý và xem như nợ khó đòi.

Số dư hoạt động margin tại ngày 31/12/2016 là 50.3 tỷ trong đó TNT chiếm 33.5 tỷ đồng và BII chiếm 13.3 tỷ đồng. Giá trị của 2 cổ phiếu này mà TCSC đang nắm giữ chỉ khoảng 10.5 tỷ đồng theo giá thị trường hiện tại. Khả năng thu hồi vốn gốc rất là thấp

II. THẨM ĐỊNH CÁC BÁO CÁO NĂM 2016:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016. Theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Ban kiểm soát ghi nhận Báo cáo tài chính năm do Công ty lập đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2016 và kết quả hoạt động SXKD cho kỳ báo cáo; phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam.

Các báo cáo theo yêu cầu các cơ quan chức năng (SSC, HOSE, HNS) đã được tuân thủ và nộp báo cáo đúng hạn

III. TÌNH HÌNH VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ ĐÔNG TẠI 31/12/2016 THEO GIẤY PHÉP KINH DOANH VÀ SỔ THEO DÕI CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:

STT	Danh sách	Vốn góp tại ngày 31/12/2016	Tỷ lệ %
1	Seamico Securities PLC	67.965.000.000	18.88%
2	Công ty CP Dệt May – ĐT – TM Thành Công	89.117.000.000	24.75%
3	Công ty TNHH Ngọc Phong	10.000.000.000	2.78%
4	Đoàn Quang Sang	2.000.000.000	0.56%
5	Chung Văn Đạt	5.050.000.000	1.40%
6	Công Ty TNHH 4 Oranges	49.530.000.000	13.76%
7	Công Ty TNHH E-Land Việt Nam	20.740.000.000	5.76%

8	Các Cổ đông khác	115.598.000.000	32.11%
	Tổng cộng	360.000.000.000	100%

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Định kỳ hàng tháng Công Ty gửi Báo cáo tài chính cho Ban kiểm soát kiểm tra.
- Định kỳ 6 tháng Ban kiểm soát đến kiểm trực tiếp làm việc.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

ĐẠI DIỆN BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Nguyễn Minh Hào